

Số: 87/2026/QĐST-HNGĐ

LĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 370/2025/TB-TLVA ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: bà NTMH, sinh năm: 1977; địa chỉ: 75 HHT, xã ĐT, tỉnh LĐ;

- *Bị đơn*: ông SML, sinh năm: 1976; địa chỉ: 75 HHT, xã ĐT, tỉnh LĐ;
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự,
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà NTMH và ông SML.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thoả thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà NTMH và ông SML.
 - Về con chung: bà NTMH và ông SML thoả thuận giao cho bà NTMH trực tiếp nuôi dưỡng con chung SDK, sinh ngày: 09/11/2008 cho đến ngày thành

niên; về cấp dưỡng nuôi con chung: bà NTMH không yêu cầu ông SML cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: bà NTMH và ông SML không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: bà NTMH nhận chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 6.550.000đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010381 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh LĐ; hoàn trả cho bà NTMH 6.400.000đồng (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 76 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND Khu vực 2 – LĐ;
- THADS tỉnh LĐ;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Liên Nghĩa, huyện ĐT, tỉnh LĐ (nay là xã ĐT, tỉnh LĐ) đăng ký kết hôn số 179, ngày 06/6/2002);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Vũ



